

Số: 64/2023/QĐST-HNGĐ

Hà Trung, ngày 14 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 85/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện H, tỉnh T.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện H, tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6; khoản 7, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06/06/2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06/6/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn T thừa nhận, vợ chồng có ba con chung, các cháu tên là Nguyễn Thị T, sinh ngày 16/7/2006, cháu Nguyễn Mai A, sinh ngày 08/12/2016 và cháu Nguyễn Phạm Anh Th, sinh ngày 26/8/2018. Chị T, anh T thoả thuận, chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu Nguyễn Thị T,

Nguyễn Mai A và Nguyễn Phạm Anh Th, anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000đ (*một triệu đồng*), ba cháu là 3.000.000 đồng/1 tháng, thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi các cháu T, Mai A và Anh Th đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con của chị T.

Về tài sản: Chị T và anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị T và anh T thỏa thuận, chị T chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0002312 ngày 02/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trịnh Thanh Hương